

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/DS-PT
Ngày: 08-3-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Phạm Kim Cua

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 245/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2019/QĐPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Hồng H, sinh năm 1972, cư trú tại: Số nhà X/4, ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969, cư trú tại: Số nhà Y/2, ấp Đ, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là: Ông Nguyễn Hoàng V, Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Hoàng V, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Hồng H trình bày:

Năm 2016, chị có tham gia chơi hội do bà B làm chủ hội. Đến năm 2017, bà B bị vỡ hội và úp toàn bộ các dây hội chị tham gia; tính đến ngày 07/02/2018 số tiền hội bà B còn nợ chị là 766.000.000 đồng. Đồng thời, trước khi bị vỡ hội bà B có vay của chị nhiều lần với số tiền 890.000.000 đồng. Số tiền hội và tiền vay thể hiện ở biên nhận ngày 07/02/2018 do bà B viết, theo biên nhận này bà B thừa nhận còn nợ chị là 1.656.000.000 đồng và cam kết khi chị có yêu cầu thì bà B sẽ trả nhưng sau đó chị nhiều lần yêu cầu bà B thanh toán nợ nhưng bà B không thực hiện.

Khoảng tháng 3/2018, trong số tiền hội bà B còn nợ chị thì cũng có các hội viên khác nợ tiền bà B nên những người này đồng ý đứng ra hứa nhận trả nợ thay cho bà B và chị cũng đồng ý thỏa thuận này. Theo đó, chị đồng ý khấu trừ số tiền hội mà bà B còn nợ cho các cá nhân sau: Bà Nguyễn Thị H1 số tiền 240.000.000 đồng, bà Võ Thị L số tiền 30.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ H2 số tiền 100.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim L1 số tiền 7.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ hội chị đồng ý khấu trừ với bà B là 377.000.000 đồng vì vậy số tiền hội hiện nay bà B còn nợ chị là 389.000.000 đồng. Đối với số tiền 377.000.000 đồng nếu sau này bà H1, bà L, bà H2, bà L1 không trả cho chị chị sẽ khởi kiện ở vụ án khác. Như vậy, số tiền hội và tiền vay bà B còn nợ chị là 1.279.000.000 đồng, chị yêu cầu bà B phải trả cho chị số tiền 1.279.000.000 đồng (tiền hội là 389.000.000 đồng, tiền vay là 890.000.000 đồng) và tiền lãi phát sinh của số tiền vốn vay 890.000.000 đồng tính từ ngày 07/3/2018 đến ngày 21/11/2018 với mức lãi suất 0,83%/tháng là 62.540.000 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 245/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị Hồng H. Buộc bà Nguyễn Thị B trả cho chị Đặng Thị Hồng H số tiền 1.341.540.000 đồng (một tỷ ba trăm bốn mươi một triệu năm trăm bốn chục nghìn đồng), trong đó bao

gồm 389.000.000 đồng tiền hui, 890.000.000 đồng tiền vay và 62.540.000 đồng tiền lãi của khoản vay.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/02/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 245/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, xác định lại phần nợ gốc và tính lại tiền lãi vì bà H thu tiền lãi vay với lãi suất 6%/ tháng và Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà phải trả cho bà H 50.000.000 đồng tiền lãi là không hợp lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Số tiền nợ hui và nợ vay hai bên thống nhất là 1.656.000.000 đồng nhưng số tiền nguyên đơn khấu trừ đối với các khoản thu tiền nợ của những người khác nợ bà B không chính xác nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét khấu trừ lại. Đối với số tiền lãi vay nguyên đơn tính cho bà B với lãi suất 6%/tháng, nên từ tháng 8/2013 đến tháng 8/2017 bà B đã trả tiền lãi cho nguyên đơn số tiền 2.207.200.000 đồng. Do khi nguyên đơn khởi kiện bị đơn không có mặt tại địa phương không biết về yêu cầu khởi kiện để thực hiện quyền chứng minh nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, tính lại tiền lãi vay theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị B trả số tiền nợ hui là 389.000.000 đồng và tiền vay 890.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 07/3/2018 đến ngày Tòa án xét xử là 21/11/2018 với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 0.83%/tháng với số tiền là 62.540.000 đồng, như vậy tổng số tiền chị H yêu cầu bà B trả cho chị là 1.341.540.000 đồng.

[2] Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là giấy viết tay có tiêu đề “biên nhận” ngày 07/02/2018, chị H trình bày biên nhận này do bà

B viết và ký tên để chốt nợ giữa chị và bà B. Tại đơn kháng cáo ngày 07/12/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm bà B thừa nhận có làm giấy chốt nợ với chị H và chị H có thu nợ thay bà để khấu trừ vào số tiền bà còn nợ lại chị H, như vậy có căn cứ xác định giấy viết tay có tiêu đề “biên nhận” ngày 07/02/2018 là giấy chốt nợ giữa bà B và bà H.

[3] Bà B cho rằng đã đóng lãi tiền vay cho bà H với lãi suất 6%/tháng từ tháng 8/2013 đến tháng 8/2017 là 2.207.200.000 đồng và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại tiền lãi bà đã trả cho bà H. Chứng cứ bị đơn giao nộp tại phiên tòa phúc thẩm là các giấy ghi nợ hui và nợ vay do bà B ghi, tuy nhiên bà H không thừa nhận nội dung trong các giấy ghi hui và nợ vay nêu trên cũng như việc thu tiền lãi vay đối với bà B lãi suất 6%/tháng nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét. Do bà B kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ nên yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B không được chấp nhận, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 245/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên được chấp nhận

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bà Nguyễn Thị B phải chịu là 52.246.000 đồng (năm mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho chị Đặng Thị Hồng H là 26.253.000 đồng theo biên lai thu số 0018478 ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; bà Nguyễn Thị B phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021563 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 245/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 463, 466, 468, 469, 357 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị Hồng H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui với bị đơn bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị B trả cho chị Đặng Thị Hồng H số tiền 1.341.540.000 đồng (một tỷ ba trăm bốn mươi một triệu năm trăm bốn chục nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu là 52.246.000 đồng (năm mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho chị Đặng Thị Hồng H là 26.253.000 đồng theo biên lai thu số 0018478 ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021563 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

Bùi Thế Xương

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Kim Cửa

Thẩm phán

Thẩm phán

Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng

Nguyễn Kim Tư

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

